

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

TS. Nguyễn Văn Hòa<sup>1</sup>; ThS. Dương Thị Nhài<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất (GDTC) cho sinh viên (SV) trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang (ĐHN-LBG). Cụ thể thông qua nghiên cứu về CSVC, đội ngũ giáo viên (GV), chương trình GDTC chính khóa và ngoại khóa cũng như thực trạng về thể lực chung của SV, để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác GDTC cho SV.

**Từ khóa:** thực trạng, giải pháp, giáo dục thể chất, trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

**Abstract:** Using conventional research methods, we evaluated the current state of physical education (PE) for students at Bac Giang University of Agriculture and Forestry (BGUAF). Specifically, we studied the facilities, teaching staff, both curricular and extracurricular PE programs, as well as the general physical condition of the students, to propose appropriate solutions to enhance the effectiveness of PE for students.

**Keywords:** current state, solutions, physical education, Bac Giang University of Agriculture and Forestry.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp là môn học chính khóa bắt buộc trong hệ thống giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), góp phần thực hiện mục tiêu: Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài cho đất nước. trường ĐHN-LBG là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng chuyên giao khoa học công nghệ chất lượng cao trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp của vùng Đông Bắc. Trong những năm qua, công tác GDTC của Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn: số lượng SV vào trường ngày một tăng, vì vậy cơ sở vật chất (CSVC) cũng như đội ngũ GV chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác GDTC, các trang thiết bị và dụng cụ tập luyện thể chất còn thiếu, chất lượng chưa tốt ... cũng ảnh hưởng phần nào đến chất lượng GDTC điều đó gây ra những áp lực đòi hỏi phải có những giải pháp mới nhằm củng cố và nâng cao chất lượng của công tác GDTC cho SV trường ĐHN-LBG. Để có những giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, thì việc đánh giá thực trạng công tác GDTC cho đối tượng nghiên cứu là vấn đề cần thiết.

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn và tọa đàm, quan sát sự phạm, kiểm tra sự phạm và phương pháp toán học thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 2.1. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC trường ĐHN-LBG

Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giảng dạy và tổ chức các hoạt động phong trào thể dục thể thao (TDTT) của trường ĐHN-LBG (từ năm 2018 đến năm 2022) cho thấy: Trình độ chuyên môn của giảng viên đều có trình độ Thạc sĩ và có thâm niên công tác trên 10 năm, tuy nhiên trong những năm gần đây, số lượng giảng viên GDTC của trường ĐHN-LBG không được bổ sung, số lượng SV trung bình hàng năm đăng ký học các tín chỉ GDTC khoảng từ 600 đến 700 SV. Số giờ giảng dạy trung bình một năm học là 630 giờ/01 giảng viên, ngoài ra, giảng viên GDTC còn đảm nhận nhiều nhiệm vụ quan trọng khác của Nhà trường. Như vậy, đội ngũ giảng viên GDTC trường ĐHN-LBG chưa đáp ứng được thực tiễn công tác GDTC của Nhà trường.

### 2.2. Thực trạng điều kiện CSVC phục vụ công tác GDTC trường ĐHN-LBG

Để tìm hiểu sự đáp ứng về CSVC của Nhà trường, chúng tôi theo dõi 60 giờ giảng dạy cho SV khóa K8 trong 2 học kỳ. Kết quả được trình bày ở bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Thực tế về CSVC của trường ĐHN-LBG chưa đáp ứng được nhu cầu của SV đăng ký học tập tín chỉ GDTC hàng năm tại Nhà trường, cho nên giờ học GDTC được tổ chức hoàn toàn mang tính chất hình thức hoặc nội dung giảng dạy chủ yếu là học sinh tự tập hoặc đá bóng. Như vậy, thực tế đã cho thấy rằng trang thiết bị phục vụ giảng dạy của trường ĐHN-LBG còn rất thiếu thốn, nghèo nàn, lạc hậu cũng như chưa đáp ứng được yêu

câu đề tổ chức công tác GDTC trong Nhà trường mà chất lượng của hoạt động GDTC cũng chưa hiệu quả.

**2.3. Thực trạng về chương trình và cách thức tổ chức giờ học GDTC nội khóa trường ĐHN-LBG**

Căn cứ vào quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, thời

gian đào tạo hệ chính quy cho SV trường ĐHN-LBG là 4 năm và quy định đối với SV về học tập rèn luyện chương trình GDTC được trình bày cụ thể ở bảng 2.

So với chương trình và thời gian môn học GDTC

**Bảng 1. Thực trạng điều kiện CSVC phục vụ công tác GDTC trường ĐHN-LBG**

TT	CSVC	Tiêu chuẩn		Hiệu quả sử dụng (60 giờ)		
		Số lượng	Chất lượng	Thường xuyên >60% (>30 giờ)	Trung bình (50 -60)% (20-29 giờ)	Không thường xuyên <50% (<20 giờ)
1	Nhà tập GDTC	1	Tốt	48	-	-
2	Sân cỏ nhân tạo	2	Khá	45	-	-
3	Sân Cầu lông	1	Khá	54	-	-
4	Sân bóng rổ	1	Khá	42	-	-
5	Sách giáo khoa (giáo trình), Tài liệu tham khảo	10	Tốt	-	-	-
6	Luật các môn thể thao	15	Tốt	-	-	-
7	Các trang thiết bị cá nhân (đồng hồ, thước đo,...).	2	Tốt	-	-	-

**Bảng 2. Nội dung chương trình giảng dạy chính khoá theo tín chỉ GDTC trường ĐHN-LBG**

TT	Nội dung giảng dạy	Học phần			
		I	II	III	Tổng
1	Lý thuyết - Lý thuyết chung - Lý thuyết chuyên môn	3 -	3 -	3 -	9 -
2	Thực hành - Điền kinh (100m, 400m) - Các môn thể thao tự chọn (Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông).	27 -	27 -	- 27	54 27
<b>Tổng cộng:</b>		<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>90</b>

**Bảng 3. Kết quả phỏng vấn về giờ học GDTC chính khóa (n=280)**

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả trả lời	
		n	Tỷ lệ (%)
Công tác chuẩn bị giờ học của giảng viên			
1	Kiến thức chuyên môn cho giờ dạy	254	90,7
2	Trang phục, tác phong	215	76,8
3	Chấp hành thời gian lên, xuống lớp	275	98,2
Ý kiến về giờ học chính khóa			
1	Sinh động	10	3,57
2	Bình thường	235	83,9
3	Không sinh động	35	12,5
Tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong giờ học			
1	Cao	97	34,6
2	Bình thường	174	62,2
3	Thiếu trách nhiệm	9	3,2

của Bộ GD&ĐT quy định thì thời gian và nội dung môn học GDTC của Nhà trường chưa được thực hiện một cách triệt để. Trong 150 tiết SV trường ĐHN-LBG chỉ được lên lớp 90 tiết, trong đó có 81 tiết thực hành và 9 tiết lý thuyết chung và riêng, còn lại SV phải tự học. Qua bảng 2 cho thấy: Về thời lượng chương trình, chỉ tập chung vào 3 kỳ học đầu. Do đó, việc rèn luyện thể chất cho SV chủ yếu phụ thuộc vào sự tự giác của SV.

#### 2.4. Mức độ nhận thức của SV về công tác GDTC của trường ĐHN-LBG

Để tìm hiểu về thực trạng của SV về công tác GDTC tại trường ĐHN-LBG. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy, công tác chuẩn bị giờ học của giảng viên về kiến thức chuyên môn có 254/280 SV đồng ý với ý kiến này, chiếm 90,7%; chấp hành

thời gian lên xuống lớp có 215/280 SV đồng ý, chiếm 76,8%; trang phục, tác phong lên lớp có 275/280 SV đồng ý, chiếm 98,2%.

Về ý kiến giờ học chính khóa có sinh động hay không thì chỉ có 10/280 SV trả lời có, chiếm 3,57%; có 235/280 SV cho rằng giờ học bình thường, chiếm 83,9%; Số SV cho rằng giờ học không sinh động là 35/280, chiếm 12,5%.

Khi được hỏi về trách nhiệm của giảng viên khi lên lớp thì phần lớn các em đều cho rằng tinh thần trách nhiệm trong giờ lên lớp của giảng viên tại đây là bình thường, chiếm 63,2%; giảng viên có tinh thần trách nhiệm cao, chỉ chiếm 34,6%; còn lại 9/280 SV cho rằng giảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm khi lên lớp, chiếm 3,2%.

#### 2.5. Thực trạng về nhu cầu tập luyện ngoại khóa của SV trường ĐHN-LBG

**Bảng 4. Thực trạng về nhu cầu tập luyện ngoại khóa của SV Trường ĐHN-LBG (n =280)**

Đối tượng	Số phiếu phỏng vấn	Thời gian dành cho tập luyện TDTT trong tuần				Các môn thể thao được yêu thích				
		1 buổi	2 buổi	> 3 buổi	Không tập	Bóng rổ	Điền kinh	Cầu lông	Bóng đá	Bóng chuyền
Nam	n = 170	50	24	28	68	25	34	36	60	15
	tỷ lệ (%)	29,4	14,1	16,8	40	14,7	20	21,1	35,2	8,82
Nữ	n = 110	32	18	9	51	30	31	27	0	22
	tỷ lệ (%)	29,1	16,4	8,2	46,4	27,3	28,1	24,5	0	20

**Bảng 5. Kết quả kiểm tra thực trạng TLC của nam và nữ SV năm thứ nhất trường ĐHN-LBG**

TT	Nội dung	Tổng số SV nam năm thứ nhất (n = 55)				
		Chỉ tiêu ĐGTL (Mức đạt)	$\bar{X} \pm \sigma$	$C_v(\%)$	Số SV Đạt ĐGTL	Tỷ lệ (%)
1	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	16 - 21	16.34 ± 1.34	8,2	11	20,0
2	Bật xa tại chỗ (cm)	205 - 222	202.3 ± 19.21	9,6	8	22,2
3	Chạy 30 m XPC (giây)	5,8 - 4,8	5.76 ± 1.12	19,4	12	33,3
4	Chạy con thoi 4X10 m (giây)	12,5 - 11,8	12.55 ± 1.32	10,1	13	36,1
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	940 - 1050	899.4 ± 76.2	8,6	11	30,6
<b>Tổng số SV nữ năm thứ nhất (n = 36)</b>						
1	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	15 - 18	10.9 ± 0.87	8,0	6	16,7
2	Bật xa tại chỗ (cm)	151 - 168	163.2 ± 13.3	8,1	6	16,7
3	Chạy 30 m XPC (giây)	6,8 - 5,8	6.12 ± 1.22	19,9	7	19,4
4	Chạy con thoi 4X10 m (giây)	13,1 - 12,1	12.50 ± 1.57	11,4	8	22,2
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	850 - 930	867 ± 54.9	6,3	9	25,0

Đánh giá thực trạng hoạt động ngoại khoá TDTT của SV trường ĐHN-LBG được trình bày ở bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy: Hoạt động ngoại khoá của SV chưa được phát triển mạnh mẽ, số môn mà các em tham gia tập luyện không nhiều. Trong số 170 SV nam có 74 em trả lời thường xuyên tham gia tập

luyện ngoại khoá 1 đến 2 buổi trong một tuần, chiếm từ 14,1% đến 29,4%. Số SV tham gia tập trên 3 buổi chỉ có 28 em, chiếm 16,8%; con số thống kê cũng cho thấy nam SV không thích thể thao, chiếm 40%. Phần lớn các em SV nam cũng thích Bóng đá hơn các môn thể thao khác là 60/170 em, chiếm 35,2%,

**Bảng 7. Kết quả kiểm tra thực trạng TLC của nam và nữ SV năm thứ hai trường ĐHN-LBG**

TT	Nội dung	Tổng số SV nam năm thứ hai (n = 57)				
		Chỉ tiêu ĐGTL (Mức đạt)	$\bar{X} \pm \sigma$	$C_v$ (%)	Số SV Đạt ĐGTL	Tỷ lệ (%)
1	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	16 - 21	19.8 ± 1.56	7,9	12	21,1
2	Bật xa tại chỗ (cm)	205 - 222	218.3 ± 21.56	9,9	8	22,2
3	Chạy 30 m XPC (giây)	5,8 - 4,8	5.42 ± 1.31	24,4	13	36,1
4	Chạy con thoi 4X10 m (giây)	12,5 - 11,8	12.45 ± 1.33	10,7	15	<b>41,7</b>
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	940 - 1050	975.2 ± 78.01	8,0	9	25,0
<b>Tổng số SV nữ năm thứ hai (n = 35)</b>						
1	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	15 - 18	13.67 ± 0.86	6,3	7	20,0
2	Bật xa tại chỗ (cm)	151 - 168	167.2 ± 14.57	8,7	8	22,9
3	Chạy 30 m XPC (giây)	6,8 - 5,8	6.79 ± 1.31	21,9	5	<b>14,3</b>
4	Chạy con thoi 4X10 m (giây)	13,1 - 12,1	13.01 ± 1.92	14,8	8	22,9
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	850 - 930	897 ± 61.5	6,9	7	20,0

**Bảng 8. Kết quả kiểm tra thực trạng thể lực của nam và nữ SV năm thứ ba trường ĐHN-LBG**

TT	Nội dung	Tổng số SV nam năm thứ ba (n = 58)				
		Chỉ tiêu ĐGTL (Mức đạt)	$\bar{X} \pm \sigma$	$C_v$ (%)	Số SV Đạt ĐGTL	Tỷ lệ (%)
1	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	16 - 21	20.76 ± 2.01	9,7	9	15,5
2	Bật xa tại chỗ (cm)	205 - 222	222.6 ± 22.8	10,2	14	24,1
3	Chạy 30 m XPC (giây)	5,8 - 4,8	5.14 ± 1.36	26,5	10	17,2
4	Chạy con thoi 4X10 m (giây)	12,5 - 11,8	11.88 ± 1.77	15,0	13	22,4
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	940 - 1050	965 ± 78.7	7,9	12	20,7
<b>Tổng số SV nữ năm thứ ba (n = 39)</b>						
1	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	15 - 18	14.91 ± 1.56	10,5	9	23,1
2	Bật xa tại chỗ (cm)	151 - 168	168.5 ± 15.8	9,4	7	17,9
3	Chạy 30 m XPC (giây)	6,8 - 5,8	5.99 ± 1.43	24,4	6	15,4
4	Chạy con thoi 4X10 m (giây)	13,1 - 12,1	12.86 ± 1.35	10,5	9	23,1
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	850 - 930	913 ± 70.2	7,7	8	20,5

còn lại các môn khác như Bóng rổ, Điền kinh, Cầu lông hay Bóng chuyền chỉ thu hút từ 15 đến 36 em tập luyện, chiếm từ 8,82% đến 21,1%.

Đối với nữ, tỷ lệ tập luyện ngoại khoá thấp hơn nam, trong tổng số 110 em thì đã có tới 51 em không tập ngoại khoá, chiếm 46,4%, chỉ có 9 em tham gia tập ngoại khoá trên 3 buổi, chiếm 8,2%. Còn số tập 2 buổi là 18 em, chiếm 16,4%. Số SV tập luyện 1 buổi trong 1 tuần là 32 em, chiếm 29,1%.

### 2.6. Thực trạng thể lực chung của SV trường ĐHN-LBG

Đánh giá thực trạng thể lực chung (TLC) của SV trường ĐHN-LBG được trình bày tại bảng 6, 7 và 8.

Qua các bảng 6, 7 và 8 cho thấy: Trình độ TLC của các SV năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba ở cả nam và nữ trường ĐHN-LBG còn yếu. Tỷ lệ số SV năm thứ nhất đạt tiêu chuẩn theo bộ tiêu chuẩn đánh giá thể lực còn quá thấp, chỉ chiếm 14,4% đến 41,7%. Căn cứ vào kết quả trên, chúng tôi nhận thấy

thực trạng về TLC của SV trường ĐHN-LBG với nam chỉ đạt mức trung bình, nữ ở dưới mức trung bình và không đồng đều giữa các năm học.

### 3. KẾT LUẬN

Thực trạng công tác GDTC và hoạt động TDTT của trường ĐHN-LBG cho thấy: Chương trình giảng dạy còn nhiều hạn chế, chủ yếu chỉ giảng dạy 4 môn Điền kinh, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông. Bên cạnh đó CSVC sân bãi, dụng cụ tập luyện so với nhu cầu của học sinh còn ít và thiếu thốn; Đội ngũ GV không được thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn; Hoạt động ngoại khoá diễn ra không thường xuyên; tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn thể lực chỉ ở dưới mức trung bình. Đây cũng là những nguyên nhân chủ yếu khiến cho chất lượng GDTC của nhà trường đạt hiệu quả không cao.

Thông qua nghiên cứu đã lựa chọn được 7 giải pháp cơ bản nhằm nâng cao công tác GDTC cho SV trường ĐHN-LBG.



### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành TW Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 đến 20 tuổi*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Đỗ Thế Sơn (2013), “Nghiên cứu lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC cho SV trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên”, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
4. Vũ Đức Thu và cộng sự (1998), “Nghiên cứu định hướng và giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, GV TDTT trường học”, Tuyển tập nghiên cứu khoa học GDTC, sức khỏe trong trường học các cấp, Nxb TDTT, Hà Nội.
5. Vũ Đức Thu và cộng sự (1998), “Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác GDTC và phát triển TDTT trong trường học các cấp”, Tuyển tập nghiên cứu khoa học GDTC, sức khỏe trong trường học các cấp, Nxb TDTT, Hà Nội.

**Nguồn bài báo:** Bài báo được trích từ Luận văn Thạc sĩ, của tác giả: Dương Thị Nhài; GV chỉ đạo: TS. Nguyễn Văn Hòa; tên đề tài: “Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDTC cho SV trường ĐHN-LBG”, đề tài đã bảo vệ năm 2022, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

**Ngày nhận bài:** 15/5/2024; **Ngày duyệt đăng:** 20/9/2024.